

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/LĐ-ST

Ngày: 21-9-2020.

V/v T/c tiền lương,
bảo hiểm xã hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Phương
2. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P xét xử công khai vụ án Lao động thụ lý số 15/2020/TLST-LĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-LĐ ngày 18/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST – LĐ ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Quang H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 103/3 Đường A, phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần Q

Địa chỉ: Khu công nghiệp A, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông R – Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 200, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Duy H – Chức vụ: Giám đốc bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Bùi Quang H trình bày:

Ông Bùi Quang H làm việc tại Công ty cổ phần Q (gọi tắt là Công ty Q) vào năm 2013, ban đầu ký kết hợp đồng có xác định thời hạn là 01 năm, đến ngày 15/9/2015 ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Vị trí công việc là Trưởng phòng an toàn với mức lương cơ bản là 45.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Tháng 11/2016 Công ty ngừng hoạt động nhưng chưa thanh toán đầy đủ các khoản tiền lương cho ông.

Ông H xác định hiện nay Công ty Q còn nợ ông 04 tháng lương, cụ thể như sau: Nợ 50% lương tháng 6/2016 là 21.900.400 đồng, 60% lương tháng 7/2016 là 26.292.450 đồng; 60% lương tháng 9/2016 là 26.292.450 đồng và 100% lương tháng 10/2016 là 45.000.000 đồng, tổng cộng 119.485.300 đồng.

Nay ông H yêu cầu Công ty Q cụ thể như sau: Thanh toán 50% lương tháng 6/2016 là 21.900.400 đồng, 60% lương tháng 7/2016 là 26.292.450 đồng; 60% lương tháng 9/2016 là 26.292.450 đồng và 100% lương tháng 10/2016 là 45.000.000 đồng, tổng cộng 119.485.300 đồng. Đóng, chốt sổ bảo hiểm, và trả sổ bảo hiểm cho ông từ tháng 5/2015 đến hết tháng 10/2016.

Ý kiến của đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

Tổng số nợ Bảo hiểm xã hội của Công ty cổ phần Q đối với ông Bùi Quang H là 131.176.454 đồng, trong đó nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 103.816.575 đồng và nợ tiền lãi phát sinh do chậm nộp là 27.359.879 đồng.

Đối với bị đơn là Công ty Q: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Q vắng mặt, không gửi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền lương còn nợ cho ông H và phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Ông Bùi Quang H khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Q thanh toán tiền lương còn nợ và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, nên tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội”. Công ty cổ phần Q có trụ sở chính tại Khu công nghiệp A, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tranh chấp giữa các bên đã được hòa giải nhưng không thành nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn - Công ty Q không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét hợp đồng lao động đã ký kết giữa ông Bùi Quang H và Công ty cổ phần Q thấy:

Về hình thức và thẩm quyền giao kết hợp đồng: Ông H giao kết hợp đồng lao động với Công ty Q thông qua người đại diện là ông A – Chức vụ Giám đốc nhân sự, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 24 Bộ luật Lao động.

Công ty Q là người có nghĩa vụ chứng minh việc ông A – Chức vụ Giám đốc nhân sự có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động với người lao động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty Q không cung cấp chứng cứ phản bác đến Tòa án nên Hội đồng xét xử xác định ông A – Chức vụ giám đốc nhân sự là người có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động của Công ty Q theo quy định tại điểm g, Khoản 3, Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ các Điều 15, 16, 22 và Điều 25 Bộ luật lao động, Điều 1 của các Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông H và Công ty Q, Hội đồng xét xử xác định việc giao kết hợp đồng giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

Về nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng: Theo nội dung hợp đồng lao động đã ký kết giữa các bên thể hiện thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 7 (không tính chủ nhật), tháng làm việc được tính từ ngày 21 tháng này đến ngày 20 tháng sau, việc trả lương theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân thông qua hệ thống ngân hàng và lương được trả vào ngày 05 mỗi tháng, ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ

được tính toán dựa theo ngày công thực tế và tình hình công việc cụ thể hàng tháng được giao.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã thực hiện đầy đủ nội dung và yêu cầu công việc theo hợp đồng lao động đã ký kết. Trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty Q đến khoảng giữa năm 2016 Công ty lâm vào tình trạng khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên chậm trả lương cho người lao động đến đầu tháng 11/2016 Công ty hoàn toàn ngừng hoạt động.

Đối chiếu với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định Công ty Q nợ tiền điện nên Điện lực T (nay là Điện lực thị xã P) đã có thông báo ngừng cung cấp điện vào ngày 12/11/2016, khi ngừng cung cấp điện thì người lao động không có đủ điều kiện làm việc nên từ ngày 14/11/2016 toàn bộ người lao động của Công ty đã nghỉ việc. Như vậy, có cơ sở để xác định Công ty Q đã chính thức ngừng hoạt động từ ngày 14/11/2016. Việc ngừng hoạt động của Công ty không được Ban giám đốc Công ty thông báo đến người lao động và các cơ quan chức năng có thẩm quyền, cho nên Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thông báo cho người lao động được biết về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động.

Tại bản sao kê tài khoản cá nhân tại Ngân hàng của nguyên đơn cung cấp và đối chiếu với các chứng từ kế toán mà Tòa án thu thập tại phòng kế toán của Công ty cũng như phiếu lương người lao động cung cấp xác định Công ty vẫn còn nợ lương của ông H.

Như vậy phía Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ “bảo đảm việc làm, thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng, cụ thể lương của người lao động được chuyển vào tài khoản cá nhân vào ngày 5 mỗi tháng”, được quy định tại Điều 3, Điều 4 các hợp đồng lao động, Điều 96 Bộ luật Lao động, Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ - CP ngày 12 tháng 01 năm 2015. Do đó lỗi dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và Công ty Q là hoàn toàn thuộc về Công ty Q.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để tuyên bố chấm dứt các hợp đồng lao động đã ký kết giữa ông Bùi Quang H với Công ty Q kể từ ngày 31/10/2016.

[2.2]. Đối với yêu cầu thanh toán tiền lương của nguyên đơn thì thấy:

Do Công ty Q không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án đối chiếu với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xác định thời gian Công ty Q nợ lương và số tiền nợ cụ thể đối với nguyên đơn.

Tại các bản sao kê tài khoản cá nhân tại Ngân hàng của ông H cung cấp xác định Công ty Q đã thanh toán cho ông H 50% lương tháng 6/2016 vào ngày 20/7/2016 là 21.900.400 đồng, 40% lương tháng 7/2016 vào ngày 05/8/2016 là 17.528.300 đồng, 40% lương tháng 9/2016 vào ngày 06/10/2016 là 17.544.320 đồng, chưa thanh toán tiền lương tháng 10/2016. Theo bản sao kê tài khoản ông H cung cấp có căn cứ để xác định Công ty Q còn nợ ông 50% lương tháng

6/2016, 60% lương tháng 7/2016, 60% lương tháng 9/2016. Đối với lương tháng 10/2016 do ông H không cung cấp được phiếu lương, Tòa án không thu thập được bằng chứng chuyển lương của Công ty Q do đó Hội đồng xét xử sẽ lấy mức lương cơ bản trừ đi tiền đóng các khoản bảo hiểm để tính toán tiền lương tháng 10/2016 Công ty Q phải thanh toán cho ông H, cụ thể lương tháng 10/2016 (Theo mức lương cơ bản tại hợp đồng là 45.000.000 đồng trừ đi 8% bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 39.825.000 đồng.

Từ những phân tích trên buộc Công ty Q thanh toán cho ông H 50% lương tháng 6/2016 là 21.900.400 đồng, 60% lương tháng 7/2016 là 26.292.450 đồng, 60% lương tháng 9/2016 là 26.292.450 đồng và 100% lương tháng 10/2016 là 39.825.000 đồng. Tổng cộng là 114.310.300 đồng.

[2.3]. Xét yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn thì thấy:

Theo các chứng cứ của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp và xác nhận của người lao động thì hiện nay Công ty Q còn nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động từ tháng 01/2014 đến ngày 31/10/2016. Tuy nhiên ngày 29/5/2015 Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân thị xã P) đã ban hành quyết định số 18/2015/QĐST – LĐ với nội dung Công ty cổ phần Q có nghĩa vụ nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 8.150.610.189 đồng, được chốt đến ngày 30/4/2015 trong đó có ông Bùi Quang H. Hiện nay Công ty cổ phần Q tiếp tục phát sinh nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tính từ ngày 01/5/2015 đến tháng 10/2016 của ông H với tổng số tiền là 131.176.454 đồng, trong đó nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 103.816.575 đồng và nợ tiền lãi phát sinh do chậm nộp là 27.359.879 đồng.

Căn cứ theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động đã ký kết giữa nguyên đơn và người sử dụng lao động thì hàng tháng Công ty Q đã thu quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của ông H nhưng không nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Như vậy Công ty Q đã vi phạm Điều 17, Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của ông H cũng như quyền lợi của Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H đối với Công ty cổ phần Q về việc buộc Công ty cổ phần Q phải đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông H từ ngày 01/5/2015 đến tháng 10/2016 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

[3]. Về án phí: Công ty Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm về tranh chấp tiền lương với số tiền là 3.429.309đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn ba trăm lẻ chín đồng) và án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 36, Điều 37, Điều 90 Bộ luật Lao động; Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang H về “Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội” đối với Công ty cổ phần Q.

-Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q 01240-2015 ngày 15/9/2015 được ký kết giữa ông Bùi Quang H với Công ty cổ phần Q.

- Buộc Công ty cổ phần Q phải thanh toán cho ông Bùi Quang H 50% lương tháng 6/2016, 60% lương tháng 7/2016, 60% lương tháng 9/2016 và 100% lương tháng 10/2016 tổng cộng là 114.310.300đ (Một trăm mười bốn triệu ba trăm mười nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Buộc Công ty cổ phần Q phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội gồm (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) vào quỹ Bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Bùi Quang H từ ngày 01/5/2015 đến tháng 10/2016;

3.Mức đóng và số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất mà Công ty cổ phần Q phải đóng vào Quỹ bảo hiểm được áp dụng và tính theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

4.Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty cổ phần Q phải nộp 3.729.309đồng (Ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm lẻ chín đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thu Hiền